

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 230/2010/QĐ-UBND

*Tuy Hòa, ngày 11 tháng 02 năm 2010*

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng  
lệ phí cấp bản sao, lệ phí chứng thực trên địa bàn tỉnh Phú Yên**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí và lệ phí; số 24/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 3 năm 2006 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002; số 79/2007/NĐ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2007 về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 92/2008/TTLT-BTC-BTP ngày 17 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính - Bộ Tư pháp hướng dẫn về mức thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp bản sao, lệ phí chứng thực;

Căn cứ Nghị quyết số 139/2009/NQ-HĐND ngày 18 tháng 12 năm 2009 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa V, kỳ họp thứ 15 về ban hành mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp bản sao, lệ phí chứng thực trên địa bàn tỉnh Phú Yên;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 125/TTr-STC-CSVG ngày 22 tháng 01 năm 2010,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp bản sao, lệ phí chứng thực trên địa bàn tỉnh Phú Yên như sau:

1. Đối tượng nộp lệ phí: Tổ chức, cá nhân khi yêu cầu cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký đều phải nộp lệ phí cấp bản sao, lệ phí chứng thực.

2. Cơ quan thu lệ phí: Phòng Tư pháp huyện, thị xã, thành phố; Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn.

3. Mức thu:

a) Cấp bản sao từ sổ gốc: 3.000 đồng/bản.

b) Chứng thực bản sao từ bản chính: từ trang thứ 1 đến trang thứ 2 mỗi trang thu 1.500 đồng/trang; từ trang thứ 3 trở lên thì mỗi trang thu 1.000 đồng/trang, nhưng tối đa thu không quá 80.000 đồng/bản.

c) Chứng thực chữ ký: 10.000 đồng/trường hợp.

4. Quản lý, sử dụng số tiền lệ phí thu được:

a) Tỷ lệ % trong số tiền lệ phí thu được trích lại cho cơ quan thu lệ phí, để trang trải chi phí cho việc thu lệ phí như sau:

- Đối với Phòng Tư pháp huyện, thị xã, thành phố: tỷ lệ trích để lại là 30% trong số tiền lệ phí thu được, riêng các huyện miền núi là 50%;

- Đối với Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn: tỷ lệ trích để lại là 50% trong số tiền lệ phí thu được, riêng các huyện miền núi là 70%.

b) Việc quản lý, sử dụng tiền lệ phí thu được thực hiện theo quy định tại các Thông tư của Bộ Tài chính: số 63/2002/TT-BTC ngày 24 tháng 7 năm 2002 hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí; số 45/2006/TT-BTC ngày 25 tháng 5 năm 2006 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 63/2002/TT-BTC và các quy định có liên quan.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký. Các quy định trước đây trái với Quyết định này đều bãi bỏ.

Giao trách nhiệm Sở Tài chính phối hợp với Sở Tư pháp, Cục thuế và các cơ quan liên quan hướng dẫn, kiểm tra trong việc thực hiện theo quy định hiện hành.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành trong tỉnh, Cục trưởng Cục thuế, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Thủ trưởng cơ quan liên quan, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Bá Lộc**

b) Chứng thực bản sao từ bản chính: từ trang thứ 1 đến trang thứ 2 mỗi trang thu 1.500 đồng/trang; từ trang thứ 3 trở lên thì mỗi trang thu 1.000 đồng/trang, nhưng tối đa thu không quá 80.000 đồng/bản.

c) Chứng thực chữ ký: 10.000 đồng/trường hợp.

4. Quản lý, sử dụng số tiền lệ phí thu được:

a) Tỷ lệ % trong số tiền lệ phí thu được trích lại cho cơ quan thu lệ phí, để trang trải chi phí cho việc thu lệ phí như sau:

- Đối với Phòng Tư pháp huyện, thị xã, thành phố: tỷ lệ trích để lại là 30% trong số tiền lệ phí thu được, riêng các huyện miền núi là 50%;

- Đối với Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn: tỷ lệ trích để lại là 50% trong số tiền lệ phí thu được, riêng các huyện miền núi là 70%.

b) Việc quản lý, sử dụng tiền lệ phí thu được thực hiện theo quy định tại các Thông tư của Bộ Tài chính: số 63/2002/TT-BTC ngày 24 tháng 7 năm 2002 hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí; số 45/2006/TT-BTC ngày 25 tháng 5 năm 2006 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 63/2002/TT-BTC và các quy định có liên quan.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký. Các quy định trước đây trái với Quyết định này đều bãi bỏ.

Giao trách nhiệm Sở Tài chính phối hợp với Sở Tư pháp, Cục thuế và các cơ quan liên quan hướng dẫn, kiểm tra trong việc thực hiện theo quy định hiện hành.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành trong tỉnh, Cục trưởng Cục thuế, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Thủ trưởng cơ quan liên quan, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Bá Lộc**